TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 63/2026/DS-ST
Ngày: 15/9/2026
"V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Võ Bùi Diệu Lương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Như Tiếp.

2. Bà Lê Thị Liền.

- Thư ký phiên tòa: bà Đặng Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị *tham gia phiên tòa:* bà Nguyễn Thị Lệ An - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 61/2026/TLST-DS ngày 25 tháng 02 năm 2026 về tranh chấp *"Hợp đồng mua bán hàng hóa"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2026/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số: 46/2026/QĐST - DS ngày 21 tháng 7 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 70/2026/QĐST - DS ngày 20 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH H4, mã số doanh nghiệp: 3200219877; địa chỉ trụ sở: B P, phường Đ, tỉnh Quảng Trị (địa chỉ cũ: Phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Công ty L1; địa chỉ: Số B N, phường Đ, tỉnh Quảng Trị - Do bà Hoàng Thị H; sinh năm 1969, số CCCD: 045169000670 và ông Tạ Minh K, sinh năm 1971, số CCCD: 045071000748 - Luật sư tham gia tố tụng (Văn bản ủy quyền số 12/HĐUQ/CT-HAL ngày 28/01/2026); có mặt.

2. Bị đơn:

- Ông Đinh Thành L, sinh năm 1975, số CCCD: 045075005717 và bà Phan Thị X, sinh năm 1975, số CCCD: 045175007020; địa chỉ: thôn I (nay là thôn V), xã N, tỉnh Quảng Trị; ông L có mặt, bà X vắng mặt.

- Ông Đinh Minh T, sinh năm 1968, số CCCD: 045068011799 và bà Phan

Thị H1, sinh năm 1971, số CCCD: 045171002785; địa chỉ: thôn I (nay là thôn V), xã N, tỉnh Quảng Trị; ông T có mặt, bà X vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Đinh Thanh H2, sinh năm 1954, số CCCD: 045054002335; địa chỉ: thôn I (nay là thôn V), xã N, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

- Ông Phan Văn Q, sinh năm 1988, số CCCD: 045088003563; địa chỉ: thôn I (nay là thôn V), xã N, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

- Ông Phan Văn Đ, sinh năm 1982, số CCCD: 045082005453; địa chỉ: thôn I (nay là thôn V), xã N, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/01/2026, bản trình bày ý kiến, cũng như tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH H4 được thành lập và hoạt động kinh doanh mua bán thương mại tổng hợp theo Giấy phép kinh doanh do Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Q cấp. Trong thời gian hoạt động kinh doanh, giữa Công ty TNHH H4 và ông Đinh Thành L, ông Đinh Minh T có thỏa thuận miệng với nhau về việc mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thú ý thủy sản, nhằm mục đích để ông L, ông T đầu tư nuôi tôm, phát triển kinh tế hộ gia đình Sau khi thỏa thuận, từ năm 2020 đến năm 2023, công ty đã giao đủ số lượng hàng hóa, đảm bảo chất lượng hàng hóa theo yêu cầu của bên mua.

Tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 20/12/2024, giữa Công ty TNHH H4 với ông Đinh Thành L, ông Đinh Minh T, ông L đã đại diện ký xác nhận còn nợ Công ty TNHH H4 số tiền 363.062.500 đồng. Ngày 22/01/2025, ông Đinh Minh T đã chuyển trả cho Công ty TNHH H4 50.000.000 đồng, số tiền còn nợ lại là 313.062.500 đồng. Từ đó đến nay, ông T, ông L vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền đối với công ty. Việc ông T, ông L mua thức ăn và thuốc thuỷ sản để đầu tư nuôi tôm, phát triển kinh tế của hộ gia đình nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả tiền mua hàng đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH H4.

Vì vậy, Công ty TNHH H4 yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc ông Đinh Thành L và bà Phan Thị X, ông Đinh Minh T và bà Hoàng Thị H3 phải trả cho Công ty TNHH H4 tổng số tiền là: 344.368.700 đồng *(Ba trăm bốn mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi tàm ngàn bảy trăm đồng)*, trong đó nợ gốc là 313.062.500 đồng, tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 23/01/2025 đến ngày 23/01/2026 là 313.062.000 đồng x 12 tháng x 10%/năm = 31.306.200 đồng theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 20/12/2024.

Tại bản trình bày ý kiến, biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà, bị đơn ông Đinh Thành L trình bày: Từ tháng 7/2020 đến đầu năm 2023, ông L cùng ông Đinh Minh T và các ông Phan Văn Đ, Phan Văn Q, Đinh Thanh H2 đầu tư nuôi hồ tôm tại thôn E, xã T (nay là thôn B, xã T). Quá trình

nuôi tôm đã lấy thức ăn nuôi tôm, thuốc thủy sản của Công ty TNHH H4. Tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 20/12/2024, ông Đinh Thành L đã đại diện ký xác nhận còn nợ tiền mua hàng của Công ty TNHH H4 với số tiền là 363.062.500 đồng. Ngày 22/01/2025, ông Đinh Minh T đã chuyển trả cho Công ty TNHH H4 50.000.000 đồng, còn nợ lại 313.062.500 đồng. Tuy nhiên, số nợ này không phải là nợ của ông L, ông T mà là nợ chung của ông L, ông T, ông Đ, ông Q, ông H2, vì hồ này các ông đầu tư nuôi tôm chung. Số nợ này không liên quan gì đến vợ ông L là bà Phan Thị X.

Tại bản trình bày ý kiến, biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà, bị đơn ông Đinh Minh T trình bày: Từ tháng 7/2020 đến đầu năm 2023, ông T cùng ông Đinh Thành L và các ông Phan Văn Đ, Phan Văn Q, Đinh Thanh H2 đầu tư nuôi hồ tôm tại thôn E, xã T (nay là thôn B, xã T). Quá trình nuôi tôm đã lấy thức ăn nuôi tôm, thuốc thủy sản của Công ty TNHH H4. Tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 20/12/2024, ông Đinh Thành L đã đại diện ký xác nhận con nợ tiền mua hàng của Công ty TNHH H4 với số tiền là 363.062.500 đồng. Ngày 22/01/2025, ông Đinh Minh T đã chuyển trả cho Công ty TNHH H4 50.000.000 đồng, còn nợ lại 313.062.500 đồng. Tuy nhiên, số nợ này không phải là nợ của ông L, ông T mà là nợ chung của ông L, ông T, ông Đ, ông Q, ông H2, vì hồ này các ông đầu tư nuôi tôm chung. Số nợ này không liên quan gì đến vợ ông T là bà Hoàng Thị H3.

Đối với bị đơn bà Phan Thị X, Hoàng Thị H3: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà X, bà H3 nhưng các bà không có ý kiến và không tham gia các phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan các ông Phan Văn Đ, Phan Văn Q, Đinh Thanh H2 tại biên bản thoả thuận ngày 19/3/2026 đã ký xác nhận với ông Đinh Thành L và ông Đinh Minh T với nội dung: Ngày 20/12/2024, ông Đinh Thành L, ông Đinh Minh T đã đại diện cho 05 ông là ông L, ông T, ông Đ, ông Q, ông H2 để ký xác nhận công nợ với Công ty TNHH H4 số tiền 363.062.500 đồng. Ngày 22/01/2025, ông Đinh Minh T có chuyển trả cho công ty 50.000.000 đồng, còn nợ lại là 313.062.500 đồng. Đây là số nợ chung của ông L, ông T, ông Đ, ông Q, ông H2 chứ không phải là nợ của ông L, ông T. Vì các ông đều chung nhau góp vốn đầu tư nuôi tôm, thuê đất làm hồ và thoả thuận miệng với Công ty TNHH H4 về việc mua thức ăn, thuốc thuỷ sản.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn bà Phan Thị X, bà Hoàng Thị H3 chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đinh Thanh H2, Phan Văn Q, Phan Văn Đ chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà Phan Thị X, Hoàng Thị H3,

ông Đinh Thanh H2, Phan Văn Q, Phan Văn Đ đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà X, bà H3, ông H2, ông Q, ông Đ là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung tranh chấp: Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 288, Điều 430, Điều 434, Điều 440, Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH H4, buộc ông Đinh Thành L, bà Phan Thị X, ông Đinh Minh T và bà Hoàng Thị H3 phải trả cho Công ty TNHH H4 số tiền: 344.368.700 đồng *(Ba trăm bốn mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi tàm ngàn bảy trăm đồng)*, trong đó nợ gốc là 313.062.500 đồng, tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 23/01/2025 đến ngày 23/01/2026 là 31.306.200 đồng theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 20/12/2024. Về án phí: Ông Đinh Thành L, bà Phan Thị X, ông Đinh Minh T và bà Hoàng Thị H3 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Sau khi xem xét yêu cầu của nguyên đơn Công ty TNHH H4 xác định đây là vụ án *"Tranh chấp về hợp đồng mua bán hàng hóa"*. Công ty TNHH H4 có đăng ký kinh doanh, hoạt động vì mục đích lợi nhuận nhưng ông L bà X, ông T và bà H3 không có đăng ký kinh doanh nên đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Đinh Thành L, bà Phan Thị X và ông Đinh Minh T, bà Hoàng Thị H3 cư trú tại xã N, tỉnh Quảng Trị nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị theo quy định tại Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Bà Phan Thị X, Hoàng Thị H3, ông Đinh Thanh H2, Phan Văn Q, Phan Văn Đ hiểu rõ quyền và nghĩa vụ của mình nhưng không đến tham gia tố tụng tại các phiên họp, phiên tòa. Bà Phan Thị X, Hoàng Thị H3, ông Đinh Thanh H2, Phan Văn Q, Phan Văn Đ đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Phan Thị X, Hoàng Thị H3, ông Đinh Thanh H2, Phan Văn Q, Phan Văn Đ.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH H4 yêu cầu ông Đinh Thành L, bà Phan Thị X, ông Đinh Minh T và bà Hoàng Thị H3 thanh toán số tiền mua thức ăn nuôi tôm, thuốc thủy sản còn nợ lại là 344.368.700 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Từ tháng 7/2020 đến tháng 3/2023, ông Đinh Thành L, ông Đinh Minh T đã mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản của Công ty TNHH H4 để nuôi hồ tôm tại thôn E xã T, huyện T, tỉnh Quảng Trị (nay là thôn B, xã T, tỉnh Quảng Trị) nhằm mục đích phát triển kinh tế hộ gia đình. Quá trình mua bán hàng hóa, Công ty H4 có lập sổ theo dõi công nợ, các lần nhận hàng đều có ký nhận hàng, ký nhận số tiền phải thanh toán, thời điểm mua bán trả tiền cuối cùng là 21/3/2023. Tại sổ theo dõi công nợ thể hiện ông Đinh Minh T là người trực tiếp thanh toán tiền hàng cho công ty thông qua hình thức trả tiền mặt hoặc chuyển khoản. Theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 20/12/2024, ông Đinh Thành L đã ký xác nhận còn nợ Công ty TNHH H4 số tiền mua hàng là 363.062.500 đồng. Số tiền nợ này đúng với số tiền còn nợ tại sổ theo dõi công nợ. Ngày 22/01/2025, ông Đinh Minh T đã chuyển trả cho Công ty TNHH H4 50.000.000 đồng, còn nợ lại 313.062.500 đồng. Số tiền nợ lại được các bên thống nhất xác nhận, không có tranh chấp.

Đối với việc ông L, ông T cho rằng đây là nợ chung của ông L, ông T và các ông Đinh Thanh H2, Phan Văn Q, Phan Văn Đ, Hội đồng xét xử thấy rằng, tại sổ theo dõi công nợ, ngoài ông Đinh Thành L, ông Đinh Minh T ký nhận hàng thì còn thể hiện những người khác ký nhận hàng nhưng người thanh toán tiền hàng, xác nhận công nợ với công ty chỉ có ông Đinh Thành L, ông Đinh Minh T. Biên bản thoả thuận ngày 19/3/2026 ông H2, ông Q1, ông Đ ký xác nhận với ông L, ông T thừa nhận số tiền nợ 363.062.500 đồng tại biên bản đối chiếu công nợ ngày 20/12/2024 là nợ chung của các ông L, T, H2, Q, Đ là ký sau khi Công ty TNHH H4 khởi kiện yêu cầu ông L, bà X, ông T và bà H3 trả nợ tiền mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thuỷ sản, ngoài ra không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện các ông L, T, H2, Q, Đ cùng chung nuôi hồ tôm và được Công ty TNHH H4 đồng ý cung cấp thức ăn nuôi tôm, thuốc thuỷ sản cho cả ông L, T, H2, Q, Đ. Biên bản đối chiếu công nợ ngày 20/12/2024, chỉ có ông Đinh Thành L, ông Đinh Minh T ký xác nhận. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận đây là số nợ chung của các ông L, T, H2, Q, Đ.

Ông Đinh Thành L cho rằng khoản nợ này không liên quan đến vợ ông là bà Phan Thị X. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa ông L đã trình bày: Quá trình ông nuôi hồ tôm, bà X biết rõ, tiền đầu tư nuôi hồ tôm là do vợ chồng ông vay mượn. Theo các tài liệu do Ngân hàng N cung cấp, tại thời điểm năm 2019 - 2021, hộ ông Đinh Thành L có có vay vốn tại ngân hàng, mục đích là nuôi trồng thuỷ sản. Ông L là chủ hộ đứng tên vay, có thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 80, tờ bản đồ số 7 tại thôn S, xã T (nay là xã N) có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Đinh Thành L, bà Phan Thị X. Việc vay vốn, thế chấp tài sản tại ngân hàng có sự uỷ quyền, đồng ý của bà Phan Thị X và các thành viên khác trong hộ gia đình.

Ông Đinh Minh T cho rằng khoản nợ này không liên quan đến vợ ông là bà Hoàng Thị H3. Tuy nhiên, tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa ông T đã trình bày: Quá trình ông nuôi hồ tôm, bà H3 biết rõ, tiền đầu tư nuôi hồ tôm từ nguồn tiền trong gia đình ông và do ông vay mượn. Theo các tài liệu do Ngân hàng N cung cấp, tại thời điểm năm tháng 3/2020, ông Đinh Minh T có có vay vốn tại ngân hàng. Việc vay vốn tại ngân hàng có sự uỷ quyền, đồng ý của bà Hoàng Thị H3.

Thấy rằng, việc mua thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản của ông L, ông T nhằm mục đích phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế của hộ gia đình và được thực hiện trong thời gian dài, liên tục. Bà X, bà H3 biết rõ và đồng ý đầu tư vốn cho ông L, ông T mua thức ăn, thuốc thủy sản để nuôi tôm nhằm tạo thu nhập cho gia đình. Như vậy, bà X, bà H3 phải có nghĩa vụ liên đới cùng ông L, ông T trả khoản nợ trên cho Công ty TNHH H4 theo quy định tại Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với yêu cầu tính lãi chậm trả, thấy rằng theo quy định tại Điều 434 Bộ luật Dân sự nếu hai bên không có thoả thuận về thời hạn thanh toán thì bên mua hàng có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng ngay tại thời điểm nhận hàng. Như vậy, thời điểm đối chiếu công nợ là ngày 20/12/2024, thì ông L, bà X, ông T, bà H3 phải có nghĩa vụ thanh toán, nhưng cho đến nay vẫn chưa thanh toán là chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Do đó, ông L, bà X, ông T, bà H3 phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất là 10%/năm theo quy định tại khoản 2 Điều 280, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Nguyên đơn chỉ yêu cầu tiền lãi chậm trả là tiền lãi do chậm thanh toán tính từ ngày 23/01/2025 đến ngày 23/01/2026 là 313.062.500 đồng x 12 tháng x 10%/năm = 31.306.200 đồng là thấp hơn quy định nên cần chấp nhận.

Từ các căn cứ nêu trên, thấy rằng yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Đinh Thành L, bà Phan Thị X, ông Đinh Minh T và bà Phan Thị H1 phải có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH H4 tổng số tiền mua hàng hóa là 344.368.700 đồng, trong đó nợ gốc là 313.062.500 đồng, nợ lãi do chậm thanh toán là 31.306.200 đồng theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 20/12/2024 là có cơ sở, cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Bị đơn ông Đinh Thành L, bà Phan Thị X, ông Đinh Minh T và bà Phan Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là: 344.368.700 đồng x 5% = 17.218.435 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 288, Điều 430, Điều 434, Điều 440, Điều 357, khoản 2 Điều 468 của

Bộ luật Dân sự; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH H4. Buộc ông Đinh Thành L, bà Phan Thị X, ông Đinh Minh T và bà Hoàng Thị H3 phải có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH H4 tổng số tiền là 344.368.700 đồng *(ba trăm bốn mươi bốn triệu ba trăm sáu mươi tám ngàn bảy trăm đồng)*, trong đó nợ gốc là 313.062.500 đồng, nợ lãi do chậm thanh toán là 31.306.200 đồng theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 20/12/2024.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36 và Điều 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Ông Đinh Thành L, bà Phan Thị X, ông Đinh Minh T và bà Hoàng Thị H3 phải chịu 17.218.435 đồng (*mười bảy triệu hai trăm mười tám ngàn bốn trăm ba mươi lăm đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Công ty TNHH H4 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.984.000 đồng *(chín triệu chín trăm tám mươi bốn ngàn đồng)* theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000640 ngày 10 tháng 02 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND KV 6-Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, HC-TP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Bùi Diệu Lương